

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

Số: 16/2023/NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày 23 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển
điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;*

*Xét Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc quy định một số chính sách hỗ trợ thí điểm phát triển điểm
du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 204/BC-
HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân
dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 23 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2023. /r

Nơi nhận: *TR*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch);
- TT Tỉnh uỷ, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu VT *Abel*

CHỦ TỊCH



Phương Thị Thanh

QUY ĐỊNH**Một số chính sách hỗ trợ phát triển điểm du lịch
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển 03 điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn gồm:

- Thôn Khuân Bang, xã Như Cồ, huyện Chợ Mới;
- Thôn Cọn Poỏng, xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn;
- Thôn Bản Chiêng, xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông.

2. Thời gian thực hiện chính sách: Từ năm 2023 đến năm 2026.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cá nhân, hộ gia đình (*sau đây gọi chung là cá nhân*).
- Hợp tác xã, doanh nghiệp, Ban quản lý điểm du lịch (*sau đây gọi chung là tổ chức*).
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển điểm du lịch theo quy định tại Nghị quyết.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

- Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng nội dung, đúng đối tượng.
- Các tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ nội dung hỗ trợ nào thì được hưởng chính sách hỗ trợ của nội dung đó theo quy định.
- Không áp dụng chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng đã được hưởng hỗ trợ có nội dung trùng với chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này.
- Đối tượng thụ hưởng chính sách có trách nhiệm sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định, phát huy hiệu quả nguồn kinh phí hỗ trợ và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- Các tổ chức, cá nhân hưởng hỗ trợ từ chính sách tại Nghị quyết này có cam kết thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ phục vụ du lịch trong thời gian tối thiểu từ 5 năm trở lên kể từ khi nhận hỗ trợ.

Điều 4. Nguồn vốn thực hiện

Ngân sách tỉnh; nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia; nguồn vốn từ các chương trình, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chương II NỘI DUNG CHÍNH SÁCH

Điều 5. Hỗ trợ tư vấn về không gian, cảnh quan, sản phẩm và cách làm du lịch

1. Nội dung: Hỗ trợ kinh phí thuê tư vấn thiết kế, bố trí không gian, cảnh quan làm căn cứ cho đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ phục vụ du lịch; tư vấn để tạo ra sản phẩm du lịch hấp dẫn, thu hút khách; tư vấn về phương pháp, cách tổ chức làm du lịch.

2. Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ theo thực tế tại từng điểm du lịch và không quá 300 triệu đồng/01 điểm.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần sau khi dự án hoàn thành.

Điều 6. Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất và phát triển điểm du lịch

1. Nội dung: Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng công chào kiến trúc độc đáo mang bản sắc văn hóa dân tộc, thân thiện với môi trường và phù hợp với văn hoá truyền thống của địa phương; xây dựng điểm thông tin du lịch, gian hàng giới thiệu, bán sản phẩm phục vụ khách du lịch; xây dựng không gian cảnh quan tạo điểm nhấn đặc trưng để chụp ảnh và trải nghiệm; xây dựng nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định; xây dựng điểm đỗ xe; xây dựng hệ thống biển quảng cáo, biển chỉ dẫn các điểm tham quan du lịch.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ theo thực tế nhưng tối đa không quá 3.000 triệu đồng/01 điểm du lịch.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần sau khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng.

Điều 7. Hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc

1. Hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng để xây mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở truyền thống của đồng bào dân tộc, mua sắm thiết bị, vật dụng để hoạt động kinh doanh nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (*homestay*) với quy mô đón, phục vụ cùng lúc tối thiểu 10 khách lưu trú trở lên.

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn ngân hàng theo thực tế. Mức vay tối đa được hỗ trợ lãi suất không quá 500 triệu đồng/nhà, thời gian vay không quá 36 tháng và không quá 10 nhà/01 điểm du lịch.

b) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ theo thời gian vay vốn thực tế, sau khi nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê đi vào hoạt động kinh doanh đáp ứng theo quy định của Luật Du lịch và các văn bản hướng dẫn.

2. Hỗ trợ kinh phí phát triển sản phẩm truyền thống của đồng bào dân tộc tạo sản phẩm lưu niệm, quà tặng đặc trưng phục vụ khách du lịch.

a) Mức hỗ trợ: 50 triệu đồng/cơ sở và không quá 03 cơ sở/01 điểm du lịch.

b) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần sau khi cơ sở đi vào hoạt động và sản xuất, hoàn thành sản phẩm phục vụ khách du lịch.

Điều 8. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực du lịch

1. Nội dung: Hỗ trợ người lao động có hộ khẩu tại điểm du lịch trong phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết tham gia các khóa đào tạo trên 03 tháng tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có chức năng, nhiệm vụ bồi dưỡng về du lịch và có cam kết làm việc, phục vụ phát triển du lịch tại địa phương thời gian tối thiểu từ 36 tháng. Trường hợp vi phạm cam kết, các cá nhân có trách nhiệm hoàn trả lại kinh phí ngân sách nhà nước đã hỗ trợ đào tạo theo quy định tại Điều này.

2. Mức hỗ trợ: 1,5 triệu đồng/người/tháng, thời gian hỗ trợ tối đa 6 tháng và không quá 15 người/01 điểm du lịch.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần cho người lao động sau khi kết thúc khoá học, có chứng chỉ/chứng nhận/bằng tốt nghiệp do các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có chức năng, nhiệm vụ bồi dưỡng về du lịch cấp.

Điều 9. Hỗ trợ công tác xúc tiến, quảng bá du lịch

1. Nội dung: Hỗ trợ nghiên cứu thị trường, xây dựng nội dung tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá sản phẩm du lịch tại các cuộc hội thảo, hội chợ du lịch cấp khu vực và toàn quốc theo quy định, bao gồm: Thiết kế các trang mạng để quảng bá, giới thiệu điểm đến; xây dựng video giới thiệu về điểm du lịch; tổ chức các đoàn cho doanh nghiệp lữ hành, cơ quan báo chí truyền thông đến khảo sát, xây dựng, quảng bá và phát triển sản phẩm du lịch tại điểm.

2. Mức hỗ trợ: Không quá 150 triệu đồng/01 điểm du lịch/năm; thời gian hỗ trợ trong 3 năm.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ hằng năm cho điểm du lịch.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn thực hiện các nội dung hỗ trợ và hằng năm cân đối, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện có hiệu quả các chính sách quy định tại Nghị quyết này.

Điều 11. Trong quá trình thực hiện có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.